

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022 /HS - ST

Ngày 26/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Dung

2. Ông Trịnh Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lê Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2022/TLST - HS ngày 18 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST – HS ngày 12/8/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trịnh Đình V - Sinh ngày: 22/12/1989 tại xã H, huyện V, tỉnh T. Nơi cư trú: Xóm T, xã H, huyện V, tỉnh T. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Đình M – sinh năm 1965 và con bà Đỗ Thị Q - Sinh năm: 1969. Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con đầu; Vợ: Nguyễn Thị V – sinh năm 1990, bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017). Tiền án: không; tiền sự: không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 16/2022/LCĐKNCT ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

*** Người bị hại:**

- Chị Lê Thị H – sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn B1, xã M, huyện V, tỉnh T; Vắng mặt.

- Anh Lê Văn D – sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 5, xã Y, huyện Y, tỉnh T; Có mặt.

- Chị Vũ Thị H1 – sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 78, khu 9, phường C, thành phố H, tỉnh Q; Vắng mặt.

* *Người làm chứng:*

- Anh Lê Thanh C – sinh năm 1972

- Ông Phạm Văn T – sinh năm 1970

Đều có địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh T.

- Chị Nguyễn Thị V – sinh năm 1990

- Ông Trịnh Đình M – sinh năm 1965

- Bà Đỗ Thị Q – sinh năm 1969

Đều có địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện V, tỉnh T.

- Ông Trịnh Văn Q – sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện V, tỉnh T.

- Ông Trịnh Đình Ph – sinh năm 1964

Địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện V, tỉnh T.

Ông Hoàng Đình H – sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm Đ, xã Vĩnh H, huyện V, tỉnh T.

- Bà Mai Thị S – sinh năm 1949

Địa chỉ: Số nhà 112, đường B, phường H, thành phố T, tỉnh T.

- Ông Hoàng Đạt Tr – sinh năm 1959

Địa chỉ: Xóm Đ, xã H, huyện V, tỉnh T.

- Ông Trịnh Văn M – sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn B 2, xã M, huyện V, tỉnh T.

- Ông Nguyễn Văn V – sinh năm 1962

- Anh Nguyễn Quang L – sinh năm 1998

Đều trú tại: Xã M, huyện V, tỉnh T.

Người làm chứng có mặt tại phiên toà: Chị Nguyễn Thị V. Những người làm chứng khác đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều tối ngày 30/4/2012, Trịnh Đình V, sinh năm 1989, trú tại xóm T, xã H, huyện V, tỉnh T không có giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe ô tô khách loại 49 chỗ ngồi BKS: 36M – 4547 từ xưởng sửa chữa ô tô của bà Mai Thị S ở thành phố T đi theo QL 1A và QL 217 về xã H, huyện Vĩnh Lộc, trên xe chở theo chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1990 (vợ của V), ông Trịnh Văn Q, Trịnh Đình Ph, Hoàng Đình H đều trú tại xã H, huyện V. Trong quá trình di chuyển từ thành phố Thanh Hóa về xã Vĩnh Hùng, nắp cốp hông bên trái sau cùng của xe ô tô BKS 36M-4547 bị bật ra nhưng V không biết nên vẫn tiếp tục điều khiển xe đi tiếp. Khi đến Km15+300 QL 217 thuộc địa phận xã Vĩnh Tân (nay là xã Minh Tân), huyện Vĩnh

Lộc, tỉnh Thanh Hóa thì chị Lê Thị H, sinh năm 1991, đi xe đạp chở theo cháu Nguyễn Quang L, sinh năm 1998 cùng trú tại xã M, huyện V đi ngược chiều đến. Chị H đang đi bên phải theo chiều đi của mình thì nắp cốp hông trái sau cùng của xe ô tô khách BKS 36M-4547 va vào cánh tay trái của chị H, làm chị H và cháu L ngã ra đường, chị H bị thương nặng, cháu L bị xây xát nhẹ. Khi xảy ra va chạm V không biết nên tiếp tục điều khiển xe đi tiếp. V điều khiển xe đi đến Km 15+900 QL 217 thuộc địa phận xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc thì gặp anh Lê Văn D, sinh năm 1987, trú tại Thôn 5, xã Y, huyện Y điều khiển xe mô tô BKS 36B2-091.69 chở theo chị Vũ Thị H1, sinh năm 1987, trú tại thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh T (hiện đang cư trú tại phường C, TP H, tỉnh Q) và cháu Vũ Phương A, sinh năm 2005, trú tại thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh T, đi ngược chiều đến. Nắp cốp hông trái sau cùng của xe tiếp tục va vào vùng vai của anh D và chị H1 làm cho anh D, chị H1 và cháu Phương A cùng xe mô tô bị ngã ra đường, anh D, chị H1 bị thương nặng, cháu Phương A bị xây xát nhẹ. V không biết va chạm với anh D nên tiếp tục điều khiển xe đi tiếp. Khi đến trước cổng vào xóm Hát, xã Vĩnh Hùng, V dừng xe cho các ông H, Q, Ph xuống rồi tiếp tục điều khiển xe đi về nhà. Sau khi V lái xe về đến nhà, thì có người đến báo tin xe ô tô do V điều khiển gây tai nạn ở đường QL 217. Nghe tin, ông Trịnh Đình M (bố V) từ trong nhà đi ra sân, quan sát xe ô tô thì thấy nắp cốp hông trái sau cùng bị bật ra không đóng được. Ông M gặp V ở sân có hỏi V nhưng V nói không biết. Ông M chạy ra QL 217 để xem xét còn V ở nhà. Sau khi ông M quay về nói đúng là xe nhà mình gây tai nạn thì V gọi cho Lê Thanh C, sinh năm 1972, trú tại thôn H, xã H, huyện H là tài xế xe khách của gia đình mình đến nhà nói là có việc. Lúc này C đang ngồi uống rượu cùng với Phạm Văn T, Lê Văn T và một số người khác ở nhà Phạm Văn T ở thôn H, xã H, huyện H. Sau khi nhận được điện thoại của V, khoảng 21 giờ C đi xe máy đến nhà V. Tại đây V đã kể cho C biết sự việc mình lái xe từ thành phố Thanh Hóa về và gây tai nạn ở đường QL 217, V nhờ C nhận hộ là người lái xe gây tai nạn và C đồng ý. Đến 23 giờ cùng ngày, Lê Thanh C đến Ban Công an xã Vĩnh Hùng xin đầu thú và khai báo việc lái xe khách BKS 36M-4547 gây tai nạn ở QL 217.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 20, 21/CSĐT ngày 25/6/2012 và Quyết định trưng cầu giám định số 22/CSĐT ngày 13/07/2012 trưng cầu Tổ chức giám định pháp y tỉnh Thanh Hóa giám định tổn hại sức khỏe cho chị Vũ Thị H1, anh Lê Văn D và chị Lê Thị H. Tổ chức giám định pháp y tỉnh Thanh Hóa đã kết luận thương tật của chị Vũ Thị H1 là 31%, anh Lê Văn D là 81% và chị H là 59%.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phúc thẩm đối với vụ án Lê Thanh C đã khai nhận mình là người lái xe gây tai nạn. Tuy nhiên đến ngày 31 tháng 8 năm 2020, C làm đơn kêu oan với nội dung vụ tai nạn trên QL 217 xảy ra ngày 30/4/2012 không phải do mình gây ra. Kết quả điều tra lại có đủ căn cứ xác định C không phải là người lái xe gây tai nạn ngày 30/4/2012. Mặt khác, hành vi nhận tội thay cho Trịnh Đình V của Lê Thanh C không thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “khai báo gian dối” và tội “che dấu tội phạm”. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Lộc đã

ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 05/CSĐT ngày 13/12/2021 đối với Lê Thanh C.

Đối với Trịnh Đình V, trong giai đoạn điều tra ban đầu đối với vụ án, V khai, C là người lái xe gây tai nạn. Tuy nhiên, do nhận thức lại nên ngày 31/8/2020 Trịnh Đình V đã đến Công an tỉnh Thanh Hóa đầu thú và khai nhận chính V là người lái xe gây tai nạn ngày 30/4/2012. Biên bản lời khai và biên bản hỏi cung của V phù hợp với lời khai của bà Mai Thị S, Nguyễn Thị V, Lê Thanh C; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện tai nạn giao thông và các tài liệu, chứng cứ khác mà trong quá trình điều tra đã thu thập được.

Đối với đồ vật bị tạm giữ: Quá trình điều tra vụ án Cơ quan CSĐT công an huyện Vĩnh Lộc đã tạm giữ các phương tiện, đồ vật tài liệu liên quan đến vụ án và đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Về dân sự: Sau khi xảy ra sự việc, Trịnh Đình V và gia đình đã chủ động khắc phục hậu quả, bồi thường cho anh Lê Văn D số tiền 90.000.000đ (*chín mươi triệu đồng*), Chị Vũ Thị H1 số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*), chị Lê Thị H 80.000.000đ (*tám mươi triệu đồng*) và cháu Vũ Phương A số tiền 1.040.000đ (*một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*). Những người bị hại và đại diện gia đình người bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm, đồng thời có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Trịnh Đình V.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT- VKSVL ngày 18/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Trịnh Đình V về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a, đ khoản 2 Điều 202 BLHS năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm a, đ khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Trịnh Đình V từ 30 tháng đến 33 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trịnh Đình V.

- Về bồi thường dân sự: Sau khi xảy ra sự việc, Trịnh Đình V và gia đình đã chủ động khắc phục hậu quả, bồi thường cho anh Lê Văn D số tiền 90.000.000đ (*chín mươi triệu đồng*), Chị Vũ Thị H1 số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*), chị Lê Thị H 80.000.000đ (*tám mươi triệu đồng*) và cháu Vũ Phương A số tiền 1.040.000đ (*một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*). Các bị hại và đại diện gia đình bị hại

đã nhận đủ số tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm. Đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra vụ án Cơ quan CSĐT công an huyện Vĩnh Lộc đã tạm giữ các phương tiện, đồ vật tài liệu liên quan đến vụ án và đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Bị cáo Trịnh Đình V phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định Tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Vĩnh Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trịnh Đình V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo: Vào tối ngày 30/4/2012, tại km 15+300 và km 15+900 QL217 thuộc địa phận xã Vĩnh Tân (nay là xã Minh Tân) và xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, Trịnh Đình V, sinh năm 1989, trú tại xóm T, xã H, huyện V, tỉnh T không kiểm tra an toàn kỹ thuật của phương tiện trước khi tham gia giao thông, điều khiển xe ô tô khách loại 49 chỗ ngồi BKS: 36M-4547 trong điều kiện không đảm bảo an toàn kỹ thuật, không có giấy phép lái xe theo quy định dẫn đến va chạm với xe đạp do Lê Thị H điều khiển chở theo cháu Nguyễn Quang L và xe mô tô BKS 36B2-091.69 do anh Lê Văn D điều khiển chở theo chị Vũ Thị H1 và cháu Vũ Phương A cùng đi ngược chiều, làm cho chị H bị thương tật 59%, anh Lê Văn D bị thương tật 81%, chị Vũ Thị H1 bị thương tật 31%. Hành vi điều khiển phương tiện của Trịnh Đình V là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm nguyên tắc hoạt động điều khiển phương tiện giao thông đường bộ và phạm vào hành vi bị cấm theo quy định tại khoản 5 Điều 4, khoản 9 Điều 8 (Luật GTĐB năm 2008), xâm phạm an toàn công cộng, gây tổn hại cho sức khỏe của 03 (ba) người với tổng tỷ lệ thương tật là 171% (gây hậu quả rất nghiêm trọng theo hướng dẫn tại mục 4, phần I Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS 1999). Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a, đ khoản 2 Điều 202 BLHS năm 1999.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Bên cạnh đó, bản thân bị cáo không được quyền điều khiển xe ô tô khách BKS 36M – 4547 là loại xe trên 30 chỗ ngồi vì chưa có giấy phép lái xe hạng E theo quy định. Bị cáo điều khiển xe ô tô khi tham gia giao thông đã phạm vào khoản 5 Điều 4, khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008. Hơn nữa hiện nay do tình trạng vi phạm an toàn trật tự giao thông trên địa bàn xảy ra ngày một gia tăng, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân khi tham gia giao thông. Để đấu tranh phòng chống và ngăn ngừa tội phạm nói chung và lập lại trật tự an toàn giao thông đường bộ nói riêng, cần thiết phải có hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo để trừng phạt và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa và giáo dục những người khác tôn trọng pháp luật. Bởi vậy, cần lên cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung cũng như có đủ thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với tình tiết ngay sau khi biết mình gây tai nạn, bị cáo đã nhờ Lê Thanh C nhận là người lái xe gây tai nạn thay mình dẫn đến việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với Lê Thanh C mà không phát hiện được hành vi phạm tội của V. Tuy đây là hành vi nhằm che giấu tội phạm nhưng trong lúc hoảng loạn, lo sợ vì hành vi vô ý của mình đã làm nhiều người bị thương tích và khi nhờ liền được Lê Thanh C hoàn toàn tự nguyện nhận thay hành vi phạm tội cho V trong trường hợp không bị mua chuộc, cưỡng ép, hứa hẹn về lợi ích vật chất cũng như các lợi ích khác. Hành vi này đã gây khó khăn cho việc xác định sự thật khách quan của vụ án nhưng sau khi Lê Thanh C bị truy tố, xét xử về hành vi do mình gây ra bị cáo luôn cảm thấy day dứt, ăn năn hối cải sau đó đã tự nguyện đến cơ quan công an để đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Nên trong trường hợp này, Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng điểm o khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 làm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, nhưng bị cáo phải chịu 02 tình tiết định khung vì không có giấy phép lái xe và gây hậu quả rất nghiêm trọng. Vì vậy, trong trường hợp này bị cáo phải chịu thêm một tình tiết định khung tăng nặng “không có giấy phép lái xe theo quy định – điểm a khoản 1 Điều 202 BLHS năm 1999”.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi tự nguyện đến cơ quan công an để đầu thú và trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo và tỏ ra day dứt, ăn năn hối cải với lỗi lầm đã phạm, tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Bị cáo và gia đình đã chủ động, tự nguyện bồi thường, khắc phục được phần lớn thiệt hại cho những người bị hại.

Những người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. UBND xã nơi bị cáo cư trú đã có xác nhận trước khi phạm tội và sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo và gia đình bị cáo luôn chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương nơi cư trú. Bị cáo có ông nội là đảng viên, người có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải quy định tại điểm p và các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ thường xuyên ốm đau, bệnh tật 02 con còn nhỏ dại. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội là phù hợp với quy định tại Điều 60 BLHS năm 1999.

[7] Đối với Lê Thanh C hành vi nhận tội thay cho Trịnh Đình V không thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “khai báo gian dối” và tội “che giấu tội phạm” vì, tư cách tố tụng tại thời điểm vụ án xảy ra Lê Thanh C là bị can của vụ án. Đối với ông Trịnh Đình M, bà Đỗ Thị Q quá trình điều tra xác định không có căn cứ chứng minh ông M, bà Q là người dụ dỗ, xúi giục, ép buộc, mua chuộc, sai khiến Lê Thanh C nhận tội thay cho Trịnh Đình V. Bản thân ông M, bà Q là bố mẹ đẻ của Trịnh Đình V, chị Nguyễn Thị V là vợ của Trịnh Đình V. Vì vậy, không có căn cứ pháp luật để xử lý ông M, bà Q, chị V về hành vi “Che giấu tội phạm”. Ông M, bà Q không sai Trịnh Đình V đến xưởng sửa chữa ô tô nhà bà Nguyễn Thị S ở thành phố Thanh Hoá để lấy xe về. bà Nguyễn Thị S là chủ xưởng sửa chữa ô tô khi V xuống lấy xe đã giao chiếc ô tô BKS 36M – 4547 cho V điều khiển về, tuy nhiên bà S không biết V chưa có bằng lái xe hạng E theo quy định. Vì vậy, không đủ căn cứ xem xét trách nhiệm của ông M, bà Q, bà S về hành vi “Giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường bộ”.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trịnh Đình V và gia đình bị cáo đã chủ động khắc phục hậu quả, bồi thường cho anh Lê Văn D số tiền 90.000.000đ (*chín mươi triệu đồng*), Chị Vũ Thị H1 số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*), chị Lê Thị H 80.000.000đ (*tám mươi triệu đồng*) và cháu Vũ Phương A số tiền 1.040.000đ (*một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*). Người bị hại và đại diện gia đình người bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[9] Về phần hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trịnh Đình V.

[10] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra vụ án Cơ quan CSĐT công an huyện Vĩnh Lộc đã tạm giữ các phương tiện, đồ vật tài liệu liên quan đến vụ án và đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo Trịnh Đình V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, đ khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Đình V phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

- Xử phạt: Bị cáo Trịnh Đình V 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/8/2022).

Giao Trịnh Đình V cho UBND xã H, huyện V, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trịnh Đình V.

- Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trịnh Đình V phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo Trịnh Đình V, người bị hại anh Lê Văn D có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại chị Lê Thị H, chị Vũ Thị H1 vắng mặt tại phiên toà

được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Công an huyện Vĩnh Lộc;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Lộc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang

